

Số: 99 /KH-LNQN

Gia Lai, ngày 12 tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

I- CƠ SỞ THỰC HIỆN

- Căn cứ Công văn số 1336/SNNMT-KHTC ngày 06/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai về việc rà soát, hoàn thiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 các Công ty Lâm Nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai;
- Căn cứ Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại Thông báo số 375/TB-UBND ngày 15/11/2025 về đảm bảo tốc độ tăng trưởng năm 2026 đạt từ 10% trở lên;
- Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị;

Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các nội dung như sau:

II- MỤC ĐÍCH

Đề ra những mục tiêu, chiến lược cụ thể và giải pháp thực hiện trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tối ưu hóa nguồn lực như lao động, vật liệu và thiết bị để giảm thiểu lãng phí và tăng cường hiệu suất, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ để đáp ứng được sự yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Bên cạnh đó cần phát huy thế mạnh và khai thác các tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh trong lĩnh vực hoạt động để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch cấp trên giao, mang lại thu nhập cho người lao động đồng thời đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, ngoài ra cần đảm bảo tuân thủ các quy định của luật pháp liên quan đến việc sản xuất và kinh doanh, đảm bảo rằng công ty hoạt động hợp pháp và tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức và pháp lý.

III- YÊU CẦU

- Ban lãnh đạo công ty, các phòng chuyên môn nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc cần nắm bắt các thông tin về thị trường, nhu cầu của khách hàng để xác định chiến lược và cụ thể hóa các chỉ tiêu, đồng thời phối hợp với các cơ quan ban ngành để triển khai tốt các hoạt động theo các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Thường xuyên nắm bắt thông tin công tác triển khai các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm đảm bảo thông tin liên lạc đa chiều từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc, các cơ quan ban ngành, địa phương nhằm kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

IV. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH

1. Công tác quản lý bảo vệ rừng

1.1. Quản lý bảo vệ rừng tự nhiên

Tiếp tục thực hiện công tác quản lý bảo vệ diện tích: 1.456,38 ha, tại tiểu khu 352/353, phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai. Cụ thể:

- *Phân theo nguồn gốc, loài cây và điều kiện lập địa*: Rừng tự nhiên lá rộng thường xanh núi đất thứ sinh: 1.456,38 ha, chiếm 17,75% tổng diện tích Công ty quản lý.

- *Phân theo chức năng*: Rừng tự nhiên phòng hộ.

- *Phân theo trữ lượng*:

+ Rừng trung bình (TXN): Có tổng diện tích 1.437,85 ha, chiếm 17,52% tổng diện tích Công ty quản lý; tổ thành loài cây chủ yếu là: Trâm, Bời lời, Sơn, Giẻ, Thông tre, Ưoi, Dầu đọt tím, Cồng vàng,...

+ Rừng nghèo (TXK): Có tổng diện tích loại rừng này là 18,53 ha, chiếm 0,23% tổng diện tích Công ty quản lý; tổ thành loài cây chủ yếu là: Trâm, Bời lời, Thi, Sơn, Giẻ, ...

1.2. Quản lý bảo vệ rừng trồng

- Rừng trồng của Công ty quản lý là 3.659,99 ha, trong đó: Rừng trồng bằng vốn sản xuất kinh doanh: 1.981,37 ha (*quy hoạch chức năng đặc dụng, phòng hộ: 799,84 ha, quy hoạch chức năng sản xuất: 1.120,23 ha, ngoài quy hoạch: 61,3 ha*); Rừng trồng bằng vốn ngân sách Nhà nước: 1.038,66 ha; Rừng trồng thay thế: 595,18 ha; Rừng trồng khác: 44,78 ha). Chiếm 44,61% tổng diện tích Công ty quản lý (8.204,74 ha).

- Công ty giao cho lực lượng quản lý bảo vệ rừng chuyên trách đảm nhận cụ thể. Có 4 Đội quản lý bảo vệ rừng: Vũng Chua, Cù Mông, Bắc Sơn, Long Mỹ. Thực hiện trực BVR và PCCCR: Phân công các thành viên trực 24/24 giờ tất cả các ngày trong tuần.

- Phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức tuyên truyền nội quy, quy chế bảo vệ rừng với các nội dung tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ rừng.

1.3. Quản lý diện tích đất chưa có rừng và diện tích ngoài quy hoạch lâm nghiệp: 2.463,41 ha

- Tăng cường hoạt động tuần tra, kiểm tra rừng, phương tiện ra vào rừng để phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hành vi phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, khai thác vận chuyển lâm sản trái phép.

1.4. Khoán quản lý bảo vệ rừng

+ Khoán quản lý bảo vệ rừng 2.481,74 ha, trong đó:

- Khoán chuyển tiếp: 2.351,94 ha; gồm:

* Rừng tự nhiên: 1.343,9 ha

* Rừng trồng (*phòng hộ, đặc dụng, thay thế*): 1008,04 ha, gồm: rừng đặc dụng 550,85 ha, rừng phòng hộ 457,19 ha

Địa điểm: Tiểu khu 330B, 330C/345, phường Quy Nhơn Nam; tiểu khu 343/344/329B, 352/353, phường Quy Nhơn Tây; tiểu khu 382, xã Nhơn Châu, tỉnh Gia Lai.

- Khoán mới: 129,8 ha. (gồm: rừng đặc dụng 59,50 ha, rừng phòng hộ 70,30 ha).
Địa điểm: Tiểu khu 329A, phường Quy Nhơn, Tiểu khu 345, phường Quy Nhơn Nam; tỉnh Gia Lai.

+ Khoán bảo vệ rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp: 146,43 ha

Địa điểm: Tiểu khu 331b/331d, phường Quy Nhơn, Tiểu khu 331h/ 331i/ 330c/ 345, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

1.5. Công tác phòng cháy chữa cháy rừng:

Tiếp tục thực hiện các nội dung trong phương án phòng cháy chữa cháy rừng của Công ty và các nội dung theo hướng dẫn tại Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Lâm nghiệp, phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

1.6. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lâm nghiệp

Chỉ đạo các Đội quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn, Đoàn thanh niên chủ động, phối hợp với địa phương, Kiểm lâm, các hội đoàn thể của, xã, trường học,... để tuyên truyền đến nhân dân các địa phương về công tác BVR, PCCCR nhất là những chủ rừng liên kề, giáp ranh với rừng của Công ty, những hộ sống gần rừng, những người thường xuyên vào rừng, người chăn thả gia súc trong rừng, khách du lịch ...

2. Công tác phát triển rừng

2.1. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 595,6 ha.

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên chuyển tiếp: 23,6 ha. Địa điểm thuộc tiểu khu 344, phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai.

- Dự kiến khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên mới: 572,0 ha. Địa điểm thuộc tiểu khu 330B, 345, phường Quy Nhơn Nam và các diện tích đề nghị thanh lý rừng trồng tại phường Quy Nhơn Bắc và phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai.

2.2. Trồng rừng:

- Dự kiến kế hoạch Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, thay thế:

+ Diện tích: 308,06 ha;

+ Địa điểm: tiểu khu 343, 344 – Quy Nhơn Tây và tiểu khu 345, phường Quy Nhơn Nam - tỉnh Gia Lai.

- Trồng lại rừng sau khai thác:

+ Diện tích: 500 ha

+ Địa điểm: tiểu khu 335, 339, 351 - xã Canh Vinh, tiểu khu 352, 353, phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai.

2.3. Chăm sóc rừng

- Chăm sóc rừng thay thế: 336,09 ha

- Chăm sóc rừng sản xuất: 450 ha

3. Công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng

- Hiện tại diện tích rừng trong lâm phần của Công ty quản lý có cung cấp dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) cho Công ty cổ phần nước khoáng Chánh Thắng với diện tích 83,49 ha.

- Năm 2026 tiếp tục phối hợp với quỹ bảo vệ và phát triển rừng để xây dựng hồ sơ, xác định diện tích chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2026.

4. Công tác khai thác gỗ rừng trồng

- Diện tích dự kiến khai thác: 1.000 ha. Địa điểm thuộc tiểu khu 335,339,351,358, xã Canh Vinh và 343,344, 352, 353, phường Quy Nhơn Tây, tiểu khu 345, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai

- Sản lượng gỗ khai thác: 60.000 tấn

5. Phương án quản lý rừng bền vững

Rà soát xây dựng lại phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2026-2035 trên cơ sở phục hồi kế hoạch sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của cơn bão số 13 gây ra, theo quy định tại thông tư 16/2025/TT-BNMT, ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, về quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý Nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

6. Duy trì diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC: 2.269,71 ha

7. Duy tu đường ranh cảnh lửa: 9,24 km.

8. Đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản năm 2026:

- Trạm bảo vệ rừng: Xây dựng 1 trạm quản lý bảo vệ rừng khoảng 100,0 m² (Đội quản lý bảo vệ rừng Vững Chua bị thu hồi do ảnh hưởng dự án khu du lịch 2A): 1.000 triệu đồng.

- Sửa chữa nhà nghỉ công nhân Đội QLVR Cù Mông 100 m²: 1.000 triệu đồng

- Đầu tư, xây dựng mở rộng nhà nuôi cấy mô 01 công trình: 4.000 triệu đồng

- Cải tạo nhà nghỉ công nhân Đội SX Cây giống: 115 triệu đồng

- Mở rộng nhà huấn luyện nuôi cấy mô: 120 triệu đồng

- Mua sắm trang bị máy đóng bầu 01 máy: 192 triệu đồng

- Mua mới 02 nồi hấp: 763 triệu đồng

- Mua mới phương tiện xe 01 xe bán tải: 950 triệu đồng

- Cải tạo và nâng cấp mặt bằng vườn ươm: 100 triệu đồng

=> Tổng giá trị: 8.240 triệu đồng.

9. Sản xuất cây giống lâm nghiệp:

Năm 2026 Công ty đưa ra kế hoạch sản xuất 6,160 triệu cây giống các loại đạt tiêu chuẩn, bao gồm: Keo lai mô, Bạch đàn mô, Keo hom, Thông caribe,... Ngoài ra, tiếp tục chăm sóc cây tồn vườn chuyển sang 258.993 cây

10. Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu tài chính

- Vốn sở hữu: 56.513 triệu đồng

- Tổng doanh thu: 103.867 triệu đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 11.517 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 9.507 triệu đồng

- Nộp ngân sách Nhà nước: 7.537 triệu đồng

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn sở hữu: 16,82%
- Thu nhập bình quân người lao động: từ 13,0 triệu đồng/người/tháng trở lên
- Công tác đóng góp xã hội: 750 triệu đồng

11. Công tác quản lý, bảo vệ và khai thác Yến.

- Hoàn thành các thủ tục để bán sản phẩm yến khai thác năm 2025.
- Dự kiến trong quý I/2026 Công ty sẽ bàn giao lại nhiệm vụ này cho đơn vị trúng đấu giá thực hiện công tác quản lý, bảo tồn và phát triển sản phẩm Yến đảo Quy Nhơn.
- Trong thời gian chờ công văn trả lời của UBND tỉnh về việc Công ty bàn giao lại cho đơn vị khác thực hiện công tác quản lý, bảo tồn và phát triển sản phẩm Yến đảo Quy Nhơn, Công ty tiếp tục thực hiện và duy trì quản lý bảo vệ hệ thống các hang yến, thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình bảo vệ và khai thác tài nguyên yến tại các hang yến nhằm đảm bảo công tác quản lý chặt chẽ, không để thất thoát tài nguyên của nhà nước. Chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra thực địa thường xuyên, luân phiên cử cán bộ, công nhân viên ra tại các vị trí hang yến để nắm bắt tình hình đồng thời phối hợp với lực lượng đội quản lý bảo vệ và khai thác yến sào để trực canh gác, bảo vệ các hang yến đảm bảo an toàn. Cùng với Hội đồng giám sát hoạt động quản lý, khai thác yến sào liên ngành do UBND tỉnh thành lập, thường xuyên kiểm tra, đánh giá và giám sát chặt chẽ công tác quản lý bảo vệ cũng như các khâu trước, trong và sau quá trình khai thác yến, tiếp thu các kỹ thuật khai thác cũng như bảo quản yến tại Công ty.

11. Công tác tham gia phối hợp thực hiện Dự án.

- Tiếp tục phối hợp với Công ty TNHH Nông lâm nghiệp UNIQUE Việt Nam xây dựng lại mô hình “*Trồng rừng theo hướng nâng cao giá trị kinh tế*”.
- Diện tích 4,0 ha, địa điểm tại tiểu khu 352, phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai.

12. Công tác hợp tác nghiên cứu khoa học.

- Phối hợp với viện Khoa học lâm nghiệp Nam bộ để tiếp tục thực hiện đề tài “*Nghiên cứu chọn và nhân giống Sao đen (Hopea odorata Roxb.) và Dầu rái (Dipterocarpus alatus Roxb) phục vụ trồng rừng gỗ lớn và cây phân tán tại một số vùng sinh thái trọng điểm*”. Diện tích: 4,0 ha, địa điểm tiểu khu 343, phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai.

- Phối hợp với Viện giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp Việt Nam để tiếp tục thực hiện đề tài “*Nghiên cứu chọn, tạo giống Keo lai và Keo lá tràm phục vụ trồng rừng gỗ lớn ở một số vùng sinh thái chính*”, Diện tích: 4,0 ha, địa điểm tại tiểu khu 352, 353, phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp kỹ thuật

- Tiếp tục duy trì chứng chỉ rừng trồng FSC để nâng cao giá trị và hiệu quả rừng trồng đủ sức cạnh tranh với thị trường quốc tế.
- Chú trọng đầu tư sản xuất cây giống bằng phương pháp nuôi cấy mô, dần chú trọng trồng rừng bằng nguồn giống chất lượng cao, nuôi cấy mô;
- Chuyển dịch một phần diện tích thích hợp từ sản xuất kinh doanh rừng gỗ nhỏ sang kinh doanh rừng gỗ lớn. Đa dạng hóa sản phẩm gỗ và nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất kinh doanh rừng.

- Xây dựng chuỗi giá trị trong sản xuất lâm nghiệp từ đầu vào giống chất lượng cao, trồng rừng thâm canh đến khai thác, chế biến và xuất khẩu ra thị trường.

2. Giải pháp về chính sách, nguồn nhân lực

a) Giải pháp về chính sách

*** Đối với rừng tự nhiên**

Tăng tính hiệu quả trong công tác bảo vệ rừng, lực lượng bảo vệ rừng được tổ chức theo thành từng nhóm; lập ra ban điều hành cho tất cả các nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai cho các nhóm bảo vệ rừng cùng phối hợp luân phiên đi kiểm tra rừng để kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng hiệu quả nhất, tạo điều kiện và phát huy khả năng tham gia của người dân về bảo vệ rừng góp phần tạo công ăn việc làm, ổn định đời sống cho người dân nông thôn sống ven rừng.

*** Đối với rừng trồng phòng hộ, đặc dụng**

Hàng năm xây dựng kế hoạch quản lý bảo vệ, phòng cháy chữa cháy cho từng khu vực cụ thể, thường xuyên túc trực những địa bàn trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng. Phát hiện ngăn chặn, xử lý kịp thời hành vi lấn chiếm đất đai, phá rừng, phối hợp với các hộ, nhóm hộ nhận khoán và cơ quan chức năng thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm tra kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng.

Ghi chú: Rừng Công ty hiện nay chủ yếu do lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của Công ty đảm nhận.

b) Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tăng cường đào tạo bồi dưỡng cán bộ có trình độ chuyên môn về các đội trực tiếp làm công tác quản lý, nhằm chuyển giao nhanh các tiến bộ khoa học vào sản xuất kinh doanh, đồng thời có chính sách đãi ngộ các lao động có trình độ chuyên môn về các lĩnh vực nêu trên.

- Kết hợp nghiên cứu với đào tạo nhân lực cho Công ty và các nghiên cứu nên có sự tham gia của người dân để sử dụng vốn kiến thức bản địa đồng thời nâng cao nhận thức, thu hút người dân tham gia công tác bảo vệ rừng.

c) Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp quản lý bảo vệ rừng với Hạt kiểm lâm, Ủy ban Nhân dân xã, phường nơi có rừng của công ty; các chủ rừng thuộc tỉnh Phú Yên có diện tích rừng giáp ranh;

- Phối hợp các hội đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tuyên truyền, giáo dục pháp luật bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư thông qua lồng ghép với các hoạt động thường xuyên của các hội, đoàn thể;

- Thực hiện chính sách thù lao, khen thưởng cho người dân tham gia công tác phát hiện các vụ việc vi phạm công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Giải pháp về khoa học, công nghệ

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu và sử dụng các phần mềm ứng dụng trong công tác QLБVR phần mềm cập nhật dữ liệu diễn biến rừng, kiểm kê rừng, phần mềm văn thư lưu trữ, phần mềm xử lý số liệu trong điều tra rừng, phần mềm biên tập các loại bản đồ, phần mềm quản lý ảnh vệ tinh v.v... giúp cho công tác cập nhật, theo dõi và kiểm soát được thực hiện nhanh chóng, kịp thời chính xác hơn đồng thời nghiên cứu xây dựng giải pháp công nghệ GIS phục vụ theo dõi, giám sát tài nguyên và môi trường rừng, tiềm năng dịch vụ môi trường rừng.

- Nghiên cứu chọn tạo các dòng giống tốt và ứng dụng chuyển hóa rừng trồng Keo lai thành rừng trồng gỗ lớn, tại tỉnh Gia Lai.

4. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư

- Tạo liên kết với những doanh nghiệp có tiềm lực để đầu tư phát triển sản xuất và vay ưu đãi để đầu tư cho công tác kinh doanh nhằm tạo ra lợi nhuận để tái đầu tư phát triển rừng.

- Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ của các dự án để xây dựng và thực hiện được cấp chứng chỉ rừng quốc tế về quản lý rừng bền vững.

5. Giải pháp về thị trường

- Tổ chức công tác tiếp thị, tìm hiểu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng để có kế hoạch tiêu thụ sản phẩm gỗ rừng trồng và cây giống của công ty.

- Tham gia các hội chợ triển lãm để quảng cáo, quảng bá thương hiệu sản phẩm của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh dài hạn của công ty để có kế hoạch phân bổ nguồn vốn và các giải pháp thực hiện đạt kết quả cao.

6. Giải pháp giảm thiểu tác động môi trường

- Khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; ứng phó biến đổi khí hậu

- Nâng cao trách nhiệm cộng đồng và năng lực cho cán bộ quản lý, 100% CBCNV trong công ty có hiểu biết cơ bản về biến đổi khí hậu, phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai, thực hiện tốt Công tác quản lý rừng bền vững, FSC.

(Phụ lục báo cáo kết quả thực hiện năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 chi tiết kèm theo)

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty. Công ty TNHH Lâm Nghiệp Quy Nhơn báo cáo để các cơ quan ban ngành biết, tạo mọi điều kiện giúp đỡ Công ty thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả. /.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Nơi nhận:

- Sở NN&MT tỉnh Gia Lai;
- UBND xã, phường;
- Hạt Kiểm lâm;
- Lãnh đạo Công ty;
- Các Phòng nghiệp vụ, các Đội QLБVR;
- Lưu: VT, KH



Cái Minh Tùng

UBND TỈNH GIA LAI
CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP QUY NHƠN

Phụ lục

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026**

(Kèm theo Kế hoạch số 99/KH-LNQN ngày 12 tháng 04 năm 2026
của Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn)

TT	Hạng mục đầu tư	Đvt	Năm 2025		Năm 2026	Ghi chú
			Kế hoạch đăng ký	Kết quả thực hiện	Kế hoạch đăng ký	
*	NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH					
A	Vốn sự nghiệp					
1	Khoán bảo vệ rừng	Ha	2.431,74	2.351,94	2.481,74	
a	Diện tích khoán mới	Ha	79,80	0,00	129,80	
b	Diện tích khoán chuyển tiếp rừng trồng	Ha	1.008,04	1.008,04	1.008,04	
c	Diện tích khoán chuyển tiếp rừng tự nhiên	Ha	1.343,90	1.343,90	1.343,90	
2	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên	Ha	595,60	0,00	595,60	
a	Diện tích Khoan nuôi tái sinh mới rừng phòng	Ha	572,00	0,00	572,00	
b	Diện tích Khoan nuôi tái sinh chuyển tiếp	Ha	23,60	0,00	23,60	
3	Khoán bảo vệ rừng ngoài QH 3 loại rừng	Ha	146,43	146,43	146,43	
	Diện tích khoán mới	Ha	146,43	146,43	146,43	
B	Vốn đầu tư phát triển					
I	Đầu tư lâm sinh					
1	Trồng rừng	Ha	103,00	106,29	308,06	
a	Trồng rừng phòng hộ, MTCQ	Ha	0,00			
b	Trồng rừng thay thế	Ha	103,00	106,29	308,06	
2	Chăm sóc rừng	Ha	279,80	279,80	336,09	
a	Chăm sóc rừng phòng hộ, MTCQ	Ha	0,00			
b	Chăm sóc rừng thay thế	Ha	279,799	279,799	336,090	
II	Duy tu đường ranh cản lửa	Km	9,24	9,24	9,24	
C	QLBV và khai thác Yển sào					
I	QLBV hang Yển	Hang	17,0	17,0	17,0	
II	Khai thác Yển sào	Kg		50,820		
*	NHIỆM VỤ SXKD CÔNG TY					
I	Đầu tư lâm sinh					
1	Bảo vệ rừng	Ha	2.316,67	2.316,67	2.316,67	
	Bảo vệ rừng sản xuất	Ha	2.316,67	2.316,67	2.316,67	
2	Chăm sóc rừng trồng sản xuất	Ha	600,00	438,84	450	
3	Trồng rừng	Ha	150,00			
a	Trồng mới	Ha				
b	Trồng lại sau khai thác	Ha	150,0	176,62	500,00	
	- Trồng rừng gỗ nhỏ	ha				
	- Trồng rừng gỗ lớn	ha				
c	Trồng rừng BDTSC	Ha				
4	Chuyển hóa rừng gỗ lớn	Ha	50,0	25,39		
II	Khai thác gỗ rừng trồng					
a	Diện tích khai thác	Ha	250,0	276,78	1.000,00	

b	Sản lượng gỗ khai thác	Tấn	24.000	25.067,01	60.000	
III	Sản xuất, chăm sóc cây giống	Cây	4.905.000	5.885.695	6.418.993	
1	Sản xuất cây giống		4.905.000	5.885.695	6.160.000	
1.1	Cây nuôi cấy mô	Cây	4.205.000	4.970.680	4.610.000	
-	Bạch đàn mô	Cây	260.000	218.956	100.000	
-	Keo lai mô	Cây	3.745.000	4.501.639	4.260.000	
-	Keo lá tràm mô	Cây	200.000	250.085	250.000	
1.2	Cây hom	Cây	500.000	658.116	1.000.000	
-	Keo lai hom	Cây	500.000	658.116	1.000.000	
1.3	Cây hạt	Cây	200.000	256.899	550.000	
-	Keo lá tràm	Cây	80.000	94.001	0	
-	Thông caribê	Cây	90.000	120.118	550.000	
-	Phi lao hạt	Cây	30.000	42.780	0	
2	Chăm sóc cây giống (Cây 2025 chuyển sang chăm sóc 2026)				258.993	
2.1	Keo lai hom				14.950	
2.2	Keo lai mô				204.710	
2.3	Phi lao hạt				33.700	
2.4	Cây cảnh các loại (Sao đen, Dầu, Bàng ĐL)				5.633	
2.4.1	Sao đen				5.420	
2.4.2	Bàng Đài Loan				213	
IV	Tiêu thụ cây giống			5.056.732		
1	Cây nuôi cấy mô	Cây		4.384.346		
-	Bạch đàn mô	Cây		224.026		
	mầm	Cây		214.120		
	ra vườn	Cây		9.906		
-	Keo lai mô	Cây		3.938.231		
	mầm	Cây		2.382.995		
	ra vườn	Cây		1.555.236		
-	Keo lá tràm mô	Cây		222.089		
2	Cây hom	Cây		471.335		
-	Keo lai hom	Cây		471.335		
3	Cây hạt	Cây		198.298		
-	Keo lá tràm	Cây		62.692		
-	Thông caribê	Cây		132.164		
-	Phi lao hạt	Cây		3.442		
4	Cây cảnh các loại (Sao đen, Dầu, Táo nhơn,..)	Cây		2.753		
-	CS cây tồn vườn năm trước (Sao đen, Dầu đọt	Cây		2.753		
V	Công trình nhận thầu					
1	Đo đạc rừng Đak Mang	Ha				
2	Khai thác gỗ rừng Đak Mang	Tấn		4.976,7		56,39 ha
3	Trồng rừng Đak Mang	Ha		56,39		
4	Lập PA thiết kế khai thác rừng Đak Mang	Ha				
VI	Đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản					
1	Xây dựng trạm BVR Vũng Chua	triệu đồng			1.000	
2	Sửa chữa đội QL BVR Cù Mông	triệu đồng			1.000	
3	Cải tạo nhà nghỉ công nhân Đội SX Cây giống	triệu đồng			115	
4	Đầu tư, xây dựng mở rộng nhà nuôi cấy mô	triệu đồng			4.000	
5	Mở rộng nhà huấn luyện nuôi cấy mô	triệu đồng			120	

6	Mua mới máy đóng bầu	triệu đồng			192	
7	Mua mới 2 nồi hấp	triệu đồng			763	
8	Mua mới phương tiện xe bán tải	triệu đồng			950	
9	Cải tạo và nâng cấp mặt bằng vườn ươm	triệu đồng			100	
VII	Kết quả sản xuất kinh doanh					
1	Doanh thu	Tr.đ	59.140	63.022	103.867	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	10.227	10.467	11.517	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	8.182	8.680	9.507	
4	Nộp ngân sách	Tr.đ	Theo luật	8.430	7.537	
5	Công tác đóng góp xã hội	Tr.đ	1.040	750	750	
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ người/ tháng	9,30	13,30	từ 13,0	

P. Kế hoạch

Trương Thị Thu Hiền

P. Kế toán

Hoàng Lạc Tú Minh

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Cái Minh Tùng

